TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HS- ST

Ngày 01-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đào Xuân H
Ông Nguyễn Quốc S
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên .

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn M, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1994

Tên gọi khác: Đặng Đức M; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Đức H và bà: Vi Thị H; vợ: Trần Thị Ng; có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 23/7/2016, Đặng Văn M bị Công an huyện T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Hủy hoại tài sản của người khác, mức phạt xử phạt 3.500.000đồng (M chấp hành nộp phạt xong ngày 29/7/2016). Bản án số 77/2010/HS-PT ngày 07/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Đặng Đức M 02 năm tù về tội "Hiếp dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/10/2009. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2011 và chấp hành xong tiền bồi thường 14/4/2010, tiền án phí HSST và án phí DSST ngày 10/8/2010. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Đình H, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1994

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình S (đã chết) và bà: Mạc Thị D; vợ: Đoàn Mai Th; có 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 190/2012/HS-PT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Nguyễn Đình H 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/7/2012 về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách ngày 24/3/2014. Ngày 23/7/2013, bị cáo đã chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí hình sự phúc thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Về phần bồi thường 25.358.000đồng cho bà Đinh Thị Mỹ L, do bị cáo H không có điều kiện thi hành án. Ngày 23/7/2013, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ra Quyết định trả lại đơn yêu cầu. Đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

- Anh Đặng Thế T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B;

- Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991 (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án)

Nơi cư trú: phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Dương Hồng H, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 25, phố Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Ngô Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B;

- Bà Mạc Thị D, sinh năm 1965 (có mặt)

- Ông Đặng Đức H, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Đều cư trú: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B;

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh B;

- Anh Ngô Trần Kh, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/3/2019, Đặng Thế T, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã L, huyện T điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream nhãn hiệu Oriental, màu nâu, biển kiểm soát 98H2-1486 đến nhà Nguyễn Đức T, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã V, huyện T chơi. Tại đây, T đã tháo chiếc biển kiểm soát xe mô tô 98H2-1486 ra và lắp thay thế bằng biển kiểm soát 98E1- 017.03 do T nhặt được và mang theo từ trước. Sau đó, T rủ T đến nhà Nguyễn Đình H, sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã C, huyện T chơi được T đồng ý. Khi đến đầu ngõ nhà H, T bảo Tchờ ở ngoài để T một mình đi xe vào nhà H. T đi xe mô tô vào nhà H có gặp H đang ngồi chơi cùng với Đặng Văn M, sinh năm 1994 cùng thôn với H (M và H đều là bạn của T). Tại đây, T nói cho M và H biết "em có thằng bạn thích chơi bời, anh cứ cho nó vay tiền chơi xong em bắt nó cắm xe trả anh". Nghe Tâm nói vậy M và H đồng ý. T đi xe mô tô ra ngoài đón T vào nhà H chơi. Lúc này, M đưa cho T số tiền 500.000 đồng để T đi mua ma túy về cùng sử dụng, T cầm tiền và đi xe mô tô của T khoảng 15 phút rồi quay lại nhà H, T để chìa khóa xe mô tô của T ở giường nhà H rồi lấy ma túy tổng hợp mua được ra cùng M, H và T sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy T mua, M nhờ H đi mua hộ 200.000đồng tiền thẻ điện thoại, H cầm tiền M đưa rồi tự ý lấy chìa khóa xe mô tô của T trước đó T để ở giường và điều khiển xe của T đi mua thẻ điện thoại. Lúc này, M ở trong nhà nghe thấy tiếng xe mô tô của T, M biết rõ H đã lấy xe của T đi nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của T bằng cách nói với H đưa ra thông tin giả là H đi xe của T và bị Công an bắt giữ để T không dám xin xe vì M nghĩ xe của T không có giấy tờ, sau đó sẽ cùng H mang xe của T đi cầm cắm lấy tiền chi tiêu. H đi khoảng 15 phút thì M nhắn tin cho H với nội dung"cứ bảo là xe bị Công an bắt", nhận được tin nhắn của M, H tiếp nhận ý trí của M và H điện thoại lại cho M thì M đã mở loa ngoài mục đích để cho T và T cùng nghe thấy, H nói với M"em bị công an bắt xe rồi, anh xuống C đón em". Sau khi nghe điện thoại xong, M bảo T và T đi chơi đâu đó, tẹo nữa nói chuyện. H đi xe mô tô của T về nhà M cất giấu ở sân để đợi T đi khỏi nhà H thì về. T và T nhờ M đưa ra đầu ngõ để gặp Ngô Trần Kh, sinh năm 1996, ở Khu Đ, xã C, huyện T là bạn T để nhờ Kh chở ra ngã ba thị trấn C uống nước. Sau đó T mượn xe của Kh chở T xuống khu vực xã C tìm xem Hoàng bị bắt xe như thế nào nhưng không thấy. Kh ngồi uống nước và gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Xuân V, sinh năm 1998 ở thôn L, xã Ph, huyện T đến uống nước cùng. Khoảng 30 phút sau, T và T

quay lại chỗ Kh và T nhờ Kh chở về nhà ở thôn K, xã V, nên Kh, T, V cùng đưa T về. Sau khi đưa T về, Tú nhờ Kh đưa đến nhà H để nói chuyện nhưng không gặp H, T liên lạc với M thì M nói cứ đợi ở ngã ba thị trấn C, H sẽ đến, T nhờ V chở ra ngã ba thị trấn C đợi H. Sau khi T và T đi khỏi nhà H thì M và H đã bàn nhau lấy xe của T đi cầm cắm lấy tiền chi tiêu được H đồng ý, M và H đi xe mô tô biển kiểm soát 98N6-6122 của H đến nhà Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991, ở Ph, thị trấn C, huyện T thì M xuống xe và điện thoại cho Nguyễn Thanh S hỏi S đang ở đâu để M nhờ tý việc, S bảo đang ở quan Internet, M bảo H đến đón nhưng S hẹn M về nhà. Khi S đang trên đường về nhà mình thì gặp H đi xe mô tô ngược chiều nên S gọi H quay lại nhà mình. Đến nhà S, M bảo S là có chiếc xe máy đang để ở nhà cần cầm lấy ít tiền. S đồng ý rồi H điều khiển xe mô tô chở M và S về nhà M để đem xe đi cầm. Tại đây, M đưa cho S một chiếc cờ lê 10 nhờ S tháo chiếc biển kiểm soát 98E1-017.03 ra để M cất đi. Sau khi S tháo xong biển kiểm soát, S đã điều khiển xe mô tô đến nhà Dương Hồng H, sinh năm 1996, phố Ng, thị trấn C, huyện T, S nhờ H cho đặt lại chiếc xe mô tô để vay của H số tiền 4.000.000đồng, anh H đồng ý nhưng chỉ cho S vay 3.800.000 đồng. S cầm tiền rồi gọi điện cho M đến đón. Một lúc sau M đến đón S tại khu vực ngã tư phố Ng, thị trấn C, S nói với M chiếc xe cầm được 3.800.000đồng, M cầm tiền và đưa cho S 300.00đồng, còn lại 3.500.000 đồng M đem về nhà gọi điện cho H đến và M đã đưa cho H 1.000.000 đồng. Sau khi đưa tiền cho H, M bảo H là T đang ở nhà T muốn gặp H hỏi về xe của T, M bảo H ra ngã ba C đưa T về nhà T nói chuyện về chiếc xe của T rồi nói dối xe của T bị Công an bắt giữ để T không nghi ngờ đòi xe nữa. H đi xe ra ngã ba thị trấn C trước cổng Bưu điện huyện T gặp T, T hỏi H xe đâu, H nói dối xe của T bị Công an bắt giữ và bảo T cứ về nhà T rồi sẽ tính việc xin xe sau. Sau đó, H chở T về nhà T ở thôn K, xã V. Tại nhà T, H nghe thấy T nói chuyện điện thoại với Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 ở thôn T, xã Ng, huyện T về việc T cho H mượn xe và bị Công an bắt giữ. H nghe thấy T nói với T "có khả năng bị bọn nó lừa rồi" nên H bực tức vì T dám bảo H lừa xe của T. Lúc này, H nhận điện thoại của M bảo đi về, H điều khiển xe mô tô từ nhà T về gặp M và H nói cho M biết việc T bảo M và H lừa xe của T. Nghe H nói xong, H, M gọi T lên nhà H để qua T tìm gặp T nói chuyện. H đã đi tìm Ngô Văn N, sinh năm 1989 ở thôn Ch, xã C, huyện T bảo N đi xuống nhà T đón T lên nhà H. Khi N đưa T về nhà H, M và H hỏi lại Túvề việc T nói thế nào, T nhận là T đã nói H và M lừa xe của T, nên M nhờ T liên lạc xem T ở đâu để đưa T về nhà H nói chuyện với M. T liên lạc và biết T đang ở gần C, xã Ng, huyện T. T nói đang chán sẽ đến đón T lên C chơi, T đồng ý. Lúc này khoảng hơn 01 giờ ngày 21/3/2019, N và T đi xe máy đến đón T về đến gần cổng Công ty bánh kẹo ở Ng thì N, T, T gặp H chở M đi ngược chiều. Khi gặp nhau, tất cả dừng lại, M xuống xe nói với T "Mày biết mày có tội gì không, mày lên nhà anh, anh nói chuyện với mày", T trả lời "Anh có chuyện gì thì nói luôn chứ

em không lên đấy đâu" thì M rút chiếc cơ bi a bằng gỗ đem theo vụt vào người T 2 đến 3 cái. Do sợ H, M tiếp tục đánh T nên Nvà T bảo T cứ về nhà H để nói chuyện. Do đều là những người quen biết nhau và không có mâu thuẫn gì, T đã đồng ý đi về nhà M. Sau đó, H chở M và T, N chở T đi về nhà H. Khi về đến nhà H, M hỏi T tại sao nói H, M lừa xe của T thì T không nhận nên M lại dùng cơ bi a vụt vào người T, còn H chửi Tuyên"Đ mẹ mày, lúc mày nói với thằng T thì tao ở đấy nghe hết rồi". Nghe H nói vậy nên T nhận lỗi với M, H. Lúc này, M bỏ 200.000 đồng ra đưa cho N đi mua ma túy về để M cùng Ho, T, N sử dụng, riêng T không sử dụng ma túy mà ngồi chơi.

Đến khoảng hơn 07 giờ ngày 21/3/2019, T bảo với M và H về để đi làm, M nói với T phải trả 1.000.000đồng tiền T vay nợ bạn M, T nhận đã nợ bạn M nhưng hiện tại không có tiền trả, T nói với M cho đặt lại chiếc điện thoại của T làm tin để T và T đi gặp người quen của T để vay tiền về trả, M không cần T đặt điện thoại và đồng ý cho T và T đi vay tiền về trả cho bạn M. Sau đó, T và T đi taxi đến thành phố B gặp người có tên là N làm cai nghề sơn mà T vẫn đang làm, T đã vay của anh N số tiền 500.000đồng rồi trả 250.000đồng tiền taxi, còn lại đưa cho T 200.000đồng và bảo T cứ về nhà H và không quay lại nữa, T cầm tiền rồi bắt xe về nhà H.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/3/2019, T và T đến nhà H kể cho M và H việc T không vay được tiền và không quay lại nhà H nữa. Sau đó, M, H, T, T lên vườn vải thiều nhà M để phun thuốc sâu. Tại đây, M nói với T và T "phải trả tiền cho việc chơi ma túy trước đó chứ không ai cho không ai, vụ chơi ma túy chia đều nhau để trả" và M bảo T phải trả cho M 2.000.000 đồng tiền sử dụng ma túy, T nói không có tiền và xin nộp sau, M không đồng ý và bảo phải trả cho M sau khi M phun thuốc sâu xong nhưng do lúc này điện thoại của T bị hết pin nên T không gọi được cho ai để vay tiền trả cho M. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì T, T, H, M đi hai xe mô tô đến quán bia nhà T H ở thôn L, xã Ph cùng nhau ngồi uống bia. Tại đây M và H bắt T phải trả tiền chơi ma túy, T không có tiền nên tiếp tục xin M trả sau. Khoảng 19 giờ cùng ngày, M chở T đi trước, H chở T phía sau, H có mua một ống tuýp kim loại cầm theo. Khi đến khu vực bãi tha ma thôn H, xã C, huyện T, M đi vào bãi tha ma để đe dọa, ép T phải đi vay tiền đưa cho M. Thấy M chở T đi vào bãi tha ma, H cũng chở T đi theo. Tại đây, M nói với T là không cần tiền của T nữa, thấy M nói vậy, H dùng chân đạp T 1 đến 2 cái vào người vì T không trả tiền M. M nói với T "bây giờ tao không cần tiền nữa, mày tự đào cái hố chôn mày, tao nói từ lúc đi phun vải rồi mà mày không nghe thì mày tự chịu" thì H vứt ống tuýp kim loại về phía T, M nói với T "tao cho mày về với các cụ". T sợ và cầm lấy ống tuýp kim loại để đào hố nhưng không đào được và xin M cho nợ tiền khi nào có sẽ trả sau, nhưng M không đồng ý thì T ra nói chuyện với M, H xin cho T đi vay tiền về đưa cho M, M đồng ý cho T và T mượn xe để đi ra thị trấn C vay tiền. T đưa T

đi vay tiền nhưng không được nên quay lại nhà H. Thấy vậy, M tiếp tục lấy 01 chiếc xẻng, 01 chiếc quốc, 01 cuộn dây dù của nhà H vứt ra sân và bảo đưa T ra nghĩa trang thôn H để T về với các cụ, H cầm một con dao bài dọa chém T thì T xin cho T tiếp tục về đi vay tiền. Sau đó, T mượn xe để về nhà xin tiền bố mẹ. M và H đồng ý cho T mượn xe của H, M bắt T viết một giấy mượn xe của H vì sợ T đi không quay lại. Sau đó, T đi xe của H đến nhà Dương Ngô N, sinh năm 1990, ở thôn V, xã L để vay tiền. Tại nhà anh N, T gặp Bùi Văn Th, sinh năm 1991, ở thôn T, xã Ng và Phạm Văn T, sinh năm 1997, ở thôn K, xã S, huyện T chơi ở nhà N. Tại đây, T đã kể cho T và Th biết việc bị M và H ép trả tiền. Th bảo biết M, H và hứa đứng ra để giúp T nói chuyện với H và M. Sau đó, Th, T và T đi xuống nhà nghỉ H và hẹn M, H xuống nói chuyện của T. Khoảng 01 giờ ngày 22/3/2019, M nhận được thông tin T đang ở nhà nghỉ H thôn C, xã Ng, huyện T nên M nhờ Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984 ở thôn Hậ, xã C, huyện T đến đón M, H cùng đi đến nhà nghỉ H gặp T để bảo T về nhà H nói chuyện. Sau khi gặp nhóm của T, Ch chở M, H và T, còn Th chở T đi về nhà Ho. Tại đây, Th đứng ra xin cho T nhưng H, M bảo T nợ tiền nên phải ở lại để trả nợ, T đồng ý ở lại nên T và Th ngồi chơi một lúc thì đi về. Sau đó, M bảo đi cùng về nhà M ngủ, M vào trong nhà ngủ còn T ở ngoài dùng điện thoại nhắn tin, liên lạc với những người quen để vay tiền đưa cho M. Đến khoảng 06 giờ ngày 22/3/2019, T nhắn tin vay được của một người quen tên là Nh, T không biết họ, tên đệm của Nh ở tỉnh H (T quen khi làm cùng ở khu công nghiệp tỉnh B) số tiền 1.500.000đồng. Sau khi ngủ dậy, T nói với M đã vay được tiền, T mượn xe biển kiểm soát 98N6-6122 của H đi ra khu vực cổng Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện T để rút tiền. Tại đây, T nhờ qua tài khoản của một người phụ nữ, T không quen biết và bảo Nh chuyển tiền vào tài khoản của người đó rồi nhờ người phụ nữ rút tiền hộ. Sau khi rút được 1.500.000đồng do Nh chuyển khoản cho vay, T điện thoại thông báo cho M biết thì M bảo T mua hộ 100.000đồng tiền thẻ điện thoại. T đi đến cửa hàng điện thoại mua 01 thẻ điện thoại Viettel trị giá 100.000đồng rồi đem về nhà M, T đưa cho M số tiền 1.400.000 đồng và 01 thẻ điện thoại , số tiền 500.000 đồng còn lại T xin trả nốt vào lúc khác thì M đồng ý và cho T đi về nhà.

Ngày 24/3/2019 Đặng Thế T làm đơn trình báo đề nghi Cơ quan điều tra xử lý đối với H và M.

Ngày 25/3/2019, Nguyễn Đình H đến Cơ quan điều tra đầu thú. Cơ quan điều tra tạm giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu vàng - trắng - xám, có số IMEI: 357988058086443, nắp sim số 0979768515 cũ, đã qua sử dụng. Cùng ngày, Dương Hồng H, sinh năm 1996 ở phố Ng, thị trấn C, huyện T đến Cơ quan điều tra giao nộp 01 chiếc xe kiểu dáng Honda Dream, không đeo biển kiểm soát, xe có số máy 01187542, số khung 3911002242, xe cũ đã qua sử dụng; Ngoài ra còn tạm giữ của Đặng Thế T 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A0059236,

mang tên Đặng Xuân H có nội dung ghi đăng ký chiếc xe mô tô nhãn hiệu ORIEXTAL, biển kiểm soát 98H2-1486.

Ngày 25/3/2019, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B trong quá trình tổ chức điều tra vụ án Giết người xảy ra trên địa bàn huyện T đã xác định Nguyễn Đình H và Đặng Văn M đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã tiến hành thu thập tài liệu đồng thời tạm giữ của Đặng Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6, màu vàng (gold), chiếc điện thoại bị hư hỏng do tác động của ngoại lực, bị vỡ màn hình và bị hỏng một số bộ phận khác. Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B có văn bản và chuyển tài liệu, đồ vật đã thu giữ đến Cơ quan điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Đến ngày 26/3/2019, Đặng Văn M đến Cơ quan điều tra đầu thú. Quá trình đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại gia đình Đặng Văn M, kết quả thu giữ gồm: 01 biển kiểm soát xe mô tô 98-E1- 01703; 01 giấy chứng minh nhân dân số 122198884 mang tên Đặng Văn M; 01 chiếc ống kim loại màu xám, hình trụ rỗng, có đường kính 2,5cm, dài 1,22m;

Kết quả khám xét tại gia đình Nguyễn Đình H, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật tài sản gì.

Đến ngày 28/3/2019, Cơ quan điều tra tạm giữ của Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984, ở thôn H, xã C, huyện T 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius biển kiểm soát 98N6-6122 đã cũ; Tạm giữ của Nguyễn Thị Phương A (là vợ của Nguyễn Đức T) 01 chiếc biển kiểm soát có in số 98H2-1486.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 26/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Dream, biển kiểm soát 98H2-1486, số máy 01187542, số khung 3911002242 có trị giá 4.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2019, Cơ quan điều tra cho bị hại Đặng Thế T nhận dạng chiếc ống tuýp sắt mà M, H dùng dọa ép T trả tiền. Kết quả anh T đã nhận dạng được chiếc ống tuýp H và M dùng trong quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T.

Quá trình điều tra Đặng Văn M và Nguyễn Đình H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 45/CT- VKS, ngày 06/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Đặng Văn M và Nguyễn Đình H về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 và tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn M và Nguyễn Đình H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội " Cưỡng đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/3/2019. Xử phạt bị cáo Đặng Văn M từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", từ 14 tháng đến 16 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2019, không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi cưỡng đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Mạc Thị D trình bày: bà là mẹ của bị cáo Ho, bà có cho bị cáo H mượn chiếc xe mô tô 98N6-6122 để bị cáo lấy phương tiện đưa đón con đi học, bà không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Đến nay, bà đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô trên. Số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình nên bà đồng ý cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng và nộp thay cho bị cáo H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên cho bà.

Anh Nguyễn Thanh S trình bày: anh có quan hệ quen biết với bị cáo M, H. Khi M và H nhờ anh đi cắm chiếc xe máy thì anh không biết đó là chiếc xe do M và H phạm tội mà có. Bị cáo M và H cũng không nói cho anh biết chiếc xe do các bị cáo chiếm đoạt. Sau khi cắm xe được 3.800.000 đồng, anh đã đưa tiền cho M và M đưa cho anh 300.000 đồng, số tiền này anh đã tự nguyện nộp lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Đến nay anh đồng ý trả anh Dương Hồng H số tiền 300.000 đồng mà bị cáo M đã đưa cho anh.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Nguyễn Văn Ch trình bày: anh là bạn của M và H, anh chỉ chở M đến nhà nghỉ H để lấy xe máy về, ngoài ra anh không biết gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyề lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 BLTTHS.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà, các bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 20/3/2019, Đặng Văn M và Nguyễn Đình H đều trú tại thôn H, xã C, huyện T nhận được thông tin xe mô tô kiểu dáng Honda Dream biển kiểm soát 98H2-1486, có giá trị 4.000.000đồng của Đặng Thế T có nhiều biển kiểm soát khác nhau nên đã thực hiện thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật lấy lý do xe mô tô của anh T bị công an bắt giữ để anh T không dám xin lại rồi H đi xe mô tô của anh T đem về nhà M cất giấu, sau đó M và H bàn nhau đem xe của T đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, M đã nhờ Nguyễn Thanh S đem xe mô tô chiếm đoạt được của anh T đến nhà anh Dương Hồng H gửi lại xe để vay số tiền 3.800.000đồng.

Trong các ngày 20/3/2019 đến ngày 22/3/2019, M và H lợi dụng việc cho Đặng Thế T sử dụng chung ma túy đã cùng nhau thực hiện hành vi ép buộc Đặng Thế T phải trả số tiền 2.000.000 đồng tiền sử dụng ma túy. M và H có lời nói đe dọa, dùng vũ lực đánh anh T thông qua các hành động như M dùng ống tuýp kim loại bắt T tự đào hố chôn mình và dùng 01 chiếc cuốc, 01 chiếc xẻng, 01 cuộn dây dù và 02 chiếc vít nở bằng nhựa màu vàng dọa cho T về với các cụ; H dùng chân đá vào người T và dùng 01con dao bài dọa chém T. Do bị ép buộc, đe dọa và bị đánh nhiều lần nên T miễn cưỡng phải đi vay 1.500.000 đồng của bạn để đưa cho M.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX thấy:

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: ngày 23/7/2016, Đặng Văn M bị Công an huyện T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Hủy hoại tài sản của người khác. Bản án số 77/2010/HS-PT ngày 07/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Mạnh 02 năm tù về tội "Hiếp dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/10/2009. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2011 và chấp hành xong tiền bồi thường 14/4/2010, tiền án phí HSST và án phí DSST ngày 10/8/2010. Bị cáo Nguyễn Đình H, tại bản án số 190/2012/HS-PT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Nguyễn Đình H 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/7/2012 về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách ngày 24/3/2014 và tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí hình sự phúc thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Về phần bồi thường 25.358.000đồng cho bà Đinh Thị Mỹ L, do bị cáo H không có điều kiện thi hành án. Ngày 23/7/2013, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ra Quyết định trả lại đơn yêu cầu. Đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Sau khi thực hiện phạm tội, các bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo M và H đã tác động gia đình để nộp lại số tiền mà các bị cáo đã nhờ S đi cắm chiếc xe của T lấy tiền chi tiêu cá nhân và số tiền các bị cáo ép T phải trả tiền sử dụng ma túy. Gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp thay số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bị cáo H có bố đẻ là ông Nguyễn Đình S được bộ trưởng bộ quốc phòng tặng bằng khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo H, M đều cùng nhau thực hiện hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi cưỡng đoạt tài sản thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo M là người đã chủ động nhắn tin cho bị cáo H để bị cáo H đưa ra thông tin không đúng sự thật để T tin rồi sau đó M và H đã chiếm đoạt chiếc xe của T và nhờ S đi cắm chiếc xe của T. Số tiền cắm xe M đưa cho Hoàng 1.000.000 đồng, đưa cho S 300.000 đồng còn 2.500.000 đồng M sử dụng chi tiêu cá nhân. Về hành vi cưỡng đoạt tài sản, M và H cùng có lời nói đe dọa, dùng vũ lực đánh anh T. M dùng ống tuýp kim loại bắt T tự đào hố chôn minh và dùng chiếc cuốc, chiếc xẻng...để dọa T về với các cụ còn H đã dùng chân đá vào người T và dùng dao bài dọa chém T. Bị cáo M là người yêu cầu T phải trả số tiền sử dụng ma túy. Do bị M và H ép buộc, đe dọa và bị đánh đập nên T đã miễn cưỡng phải đi vay tiền và đã đưa cho M số tiền 1.500.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt

theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo M, H phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự để cách ly các bị cáo với xã hội trong một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm;

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có thu nhập, không thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Bị cáo M và H phạm 2 tội nhưng chỉ cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo về tội " Cưỡng đoạt tài sản".

[6] Đối với Nguyễn Đức T có hành vi đưa T và xe mô tô của T đến nhà H và theo lời khai của M và H thì T nói với M và H "em có thằng bạn thích chơi bời, anh cứ cho nó vay tiền chơi xong em bắt nó cắm xe trả anh". Tuy nhiên khi làm việc với Cơ quan điều tra T không thừa nhận và trong quá trình M và H thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe và chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của T thì T không có bất cứ hành động gì mà chỉ đứng ra xin cho T và đi cùng T để vay tiền. Hiện nay, T đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất lời khai giữa T với M và H. Do không có đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với T nên Cơ quan điều tra đã quyết định tách phần tài liệu liên quan đến Nguyễn Đức T ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[7] Đối với Đặng Văn M và Nguyễn Đình H có hành vi dùng cơ bi a, dùng chân tay đánh anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 ở thôn T, xã Ng, huyện T trong ngày 21/3/2019 với lý do T nói với Tú bảo M và H lừa xe của T. Việc T tự nguyện ở lại nhà H chứ M và H không có bất cứ hành động gì đe dọa, ép buộc T phải ở lại nhà H. Tbị M, H đánh nhưng không bị thương tích gì. Quá trình điều tra anh T không có yêu cầu khởi tố và từ chối giám định thương tích cũng như yêu cầu M và H phải bồi thường thiệt hại nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét xử lý. Ngày 13/8/2019 Trưởng công an huyện T quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Đánh nhau đối với H và M.

[8] Đặng Văn M và Nguyễn Đình H cùng với Đặng Thế T, Nguyễn Đức T, Ngô Văn N, Nguyễn Thanh S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 13/8/2019, Trưởng Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với các đối tượng trên.

[9] Đối với anh Nguyễn Thanh S có hành vi đem xe mô tô do M và H chiếm đoạt được của T đi cầm và anh Dương Hồng H có hành vi nhận cầm chiếc xe mô tô

trên. Tuy nhiên, cả anh S và anh H đều không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do M và H phạm tội mà có nên hành vi của anh S và anh H không vi phạm pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: anh Dương Hồng H khi nhận cầm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H2-1486 do M và H chiếm đoạt được của anh T, tuy nhiên anh H không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có. Đến nay, anh H yêu cầu bị cáo M, H và anh S phải trả lại cho anh số tiền 3.800.000, cụ thể anh yêu cầu M trả 2.500.000 đồng, H trả 1.000.000 đồng và anh S trả 300.000 đồng. Tại phiên tòa, anh S và bị cáo M và H đồng ý trả cho anh H số tiền theo yêu cầu của anh H. Số tiền trên các bị cáo và anh S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyên T nên HĐXX chấp nhận các bị cáo và anh S trả cho anh H số tiền trên là phù hợp.

Bị cáo M và H ép buộc, đe dọa anh T và do bị đánh đập nên T đã phải đi vay tiền và đã đưa cho M số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền này bị cáo không đưa cho bị cáo H mà M đã dùng vào việc chi tiêu cá nhân. Tại Phiên tòa bị cáo M đồng ý trả lại cho anh T số tiền trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận bị cáo M trả cho anh T số tiền là 1.500.000 đồng là phù hợp.

[11] Về vật chứng:

01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A0059236, 01 chiếc biển kiểm soát 98H2-1486 và 01 chiếc xe môtô kiểu dáng Honda Dream, không có biển kiểm soát, có số khung 3911002242, số máy 01187542. Hồ sơ đăng ký mang tên Đặng Xuân H, sinh năm 1944 ở thôn Đ, xã L, huyện T (là bố của Đặng Thế T), ông H cho T quản lý, sử dụng chiếc xe từ đầu năm 2018. Ngày 02/7/2019, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho chủ sở hữu. Đến nay anh T không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5s, màu vàng - trắng - xám, có số IMEI: 357988058086443, nắp sim số 0979768515 cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của bị can H. Chiếc điện thoại trên bị cáo H sử dụng để liên lạc với M và dùng vào việc phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6, màu vàng (gold), bị hư hỏng do tác động của ngoại lực, bị vỡ màn hình và bị hỏng một số bộ phận khác tạm giữ của bị cáo M. Bị cáo đã dùng chiếc điện thoại trên để liên lạc với H, sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc biển kiểm soát xe mô tô 98-E1-01703, thu giữ khi khám xét nhà M, Đặng Thế T khai nhặt được tại khu vực bờ sông gần cầu Ch, xã L, huyện T. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về chiếc xe có biển kiểm soát 98E1- 01703 được xác định là chiếc xe Honda Future của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, ở thôn H, xã Tr, huyện L, tỉnh B, anh T khẳng định chiếc xe Honda Future mang biển số

98E1- 01703, anh T mua mới từ năm 2011 đến nay vẫn sử dụng và không bị mất biển kiểm soát. Chiếc biển kiểm soát xe mô tô 98-E1-01703 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N6-6122, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Mạc Thị D, sinh năm 1965 (mẹ bị cáo H) mua đầu năm 2019 tại khu công nghiệp B của một người thanh niên, không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu về sử dụng. Hồ sơ chiếc xe được đăng ký lần đầu ngày 21/12/2010 mang tên anh Trần Thanh V, sinh năm 1986, ở thôn B, xã Đ, huyện Y, anh V sử dụng một thời gian sau đó bán cho một cửa hàng xe máy cũ ở B, anh V khẳng định chiếc xe trên không bị ai trộm cắp hay cưỡng đoạt gì cả. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Khi H và M lấy chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội, bà D không biết nên cần trả lại cho bà Doan chiếc xe trên.

01 giấy chứng minh nhân dân số 122198884 mang tên Đặng Văn M là giấy tờ tùy thân của M nên cần trả lại cho bị cáo M;

01 chiếc ống kim loại màu xám, hình trụ rỗng, có đường kính 2,5cm, dài 1,22m là công cụ bị cáo M và H dùng vào việc phạm tôi không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 174; khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn M (tức Đặng Đức M) và Nguyễn Đình H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn M 10 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 14 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày

26/3/2019. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình H 08 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 12 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành 20 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/3/2019. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Đặng Văn M phải trả cho anh Dương Hồng H số tiền 2.500.000 đồng, trả cho anh Đặng Thế T số tiền 1.500.000 đồng, được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng do ông Đặng Đức H nộp thay bị cáo M tại biên lai thu tiền số AA/2010/006225 ngày 23/7/2019 và biên lai thu tiền số AA/2010/006226 ngày 06/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B

Bị cáo Nguyễn Đình H phải trả cho anh Dương Hồng H số tiền 1.000.000 đồng được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng do bà Mạc Thị D nộp thay bị cáo H tại biên lai thu tiền số AA/2010/006226 ngày 05/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B

Anh Nguyễn Thanh S phải trả cho anh Dương Hồng H số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Sơn đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2010/006230 ngày 13/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B. Xác nhận anh S, các bị cáo M, H đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5s, màu vàng - trắng - xám, có số IMEI: 357988058086443, nắp sim số 0979768515 cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6, màu vàng (gold), bị hư hỏng do tác động của ngoại lực, bị vỡ màn hình và bị hỏng một số bộ phận; 01 chiếc biển kiểm soát xe mô tô 98-E1-01703; 01 chiếc ống kim loại màu xám, hình trụ rỗng, có đường kính 2,5cm, dài 1,22m;

Trả lại cho bà Mạc Thị D 01 xe mô tô kiểu dáng xe Yamaha, màu trắng đen có biển kiểm soát 98N6-6122 đã cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng.

Trả lại cho bị cáo M 01 giấy chứng minh nhân dân số 122198884 mang tên Đặng Văn M.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo M, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Anh S, các bị cáo M, H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị O